

Số: **215/2022/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Bến Tre, ngày 02 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: **355/2022/TLST-HNGĐ** ngày **14** tháng **11** năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: - Anh **Trương Thái Th**, sinh năm: 1997;

Nơi cư trú: khu phố D, phường P, thành phố BT, tỉnh BT

- Chị **Nguyễn Thị Hồng M**, sinh năm: 1997;

Nơi cư trú: ấp H, xã P, thành phố BT, tỉnh BT

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hoà giải ngày 24/11/2022 anh Trương Thái Th và chị Nguyễn Thị Hồng M đã thỏa thuận:

Về hôn nhân: cả hai thuận tình xin ly hôn

Về con chung: 02 cháu là Trương Thái Tuyết T1, sinh ngày 07/9/2019 và Trương Thái Nhã T2, sinh ngày 27/12/2020. Hai bên thống nhất Chị M nuôi cháu T2, anh Th nuôi cháu T1. Anh Th cấp dưỡng nuôi cháu T2 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi, chị M không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: cả hai đều khai không có.

Việc các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và giữa sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Trương Thái Th** và chị **Nguyễn Thị Hồng M**

- Về con chung: có 02 cháu là Trương Thái Tuyết T1, sinh ngày 07/9/2019 và Trương Thái Nhã T2, sinh ngày 27/12/2020.

Hai bên thống nhất Chị M nuôi cháu T2, anh Th nuôi cháu T1. Anh Th cấp dưỡng nuôi cháu T2 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi, chị M không phải cấp dưỡng.

Không ai được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận

- Về nợ chung: cả hai đều khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết Việc dân sự là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), anh Th và chị M phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010007 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Anh chị đã nộp đủ lệ phí. Anh Th phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- UBND xã P, thành phố BT, tỉnh BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong